



(Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoàn đổi danh mục)

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE CERTIFICATE

Tuần Từ ngày 04/12/2020 đến ngày 10/12/2020 / From date 04/12/2020 to date 10/12/2020

1	Công ty quản lý quỹ: Fund Management Company	Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI SSI Asset Management Company Limited
2	Ngân hàng giám sát: Supervising bank	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Join Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
3	Tên Quỹ: Fund name	QUỸ ETF SSIAM VN30 SSIAM VN30 ETF
4	Mã chứng khoán: Code	FUESSV30 FUESSV30
5	Ngày lập báo cáo: Reporting Date	11/12/2020 11 Dec 2020

Đơn vị tính/Currency: VND

STT No	CHỈ TIÊU CRITERIA	MÃ SỐ ITEM No	KY BAO CAO THIS PERIOD 10/12/2020	KY TRƯỚC LAST PERIOD 03/12/2020
A	Giá trị tài sản ròng/ Net asset value	2100		
A.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2101		
	Của quỹ/of fund	2102	59,584,638,241	58,311,287,015
	Của một lô chứng chỉ quỹ/per lot	2102.1	1,216,013,025	1,190,026,265
	Của một chứng chỉ quỹ/per certificate	2103	12,160.13	11,900.26
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/ Closing balance	2104		
	Của quỹ/of fund	2105	60,100,709,429	59,584,638,241
	Của một lô chứng chỉ quỹ/per lot	2105.1	1,226,545,090	1,216,013,025
	Của một chứng chỉ quỹ/per certificate	2106	12,265.45	12,160.13
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ, trong đó Change of net asset value per certificate during the period, in which	2107		
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ Change due to investment activities	2108	105.32	259.87
	Thay đổi Giá trị tài sản ròng của Quỹ liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ Change of net asset value related to investors during the period	2109		
	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change of Net Asset Value due to profit distribution to investors during the period	2109.1		
	Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	2109.2		
A.4	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/ lowest Net asset value for 52 weeks	2110		
	Giá trị cao nhất/highest value (VND)	2111	63,005,567,447	63,005,567,447
	Giá trị thấp nhất/lowest value (VND)	2112	50,612,933,772	50,612,933,772
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ Market price (closing price of last session within the reporting day) of a certificate	2114		
B.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2115	12,220.00	11,940.00
B.2	Giá trị cuối kỳ/Closing balance	2116	12,350.00	12,220.00
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market price from this period to last period	2117	130.00	280.00
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ Variance between Market price and Net asset value of one Fund Certificate	2118		
	Chênh lệch tuyệt đối/ Absolute variance (VND)	2119	84.55	59.87
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+)) Relative variance (discount (-)/surplus (+))	2120	0.69%	0.49%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest market value within the nearest 52 weeks	2121		
	Giá trị cao nhất/Highest value (VND)	2122	12,410.00	12,220.00
	Giá trị thấp nhất/Lowest value (VND)	2123	9,770.00	9,770.00

Đại diện có thẩm quyền của ngân hàng giám sát
Authorized Representative of Supervisory Bank

TRƯỞNG TRUNG TÂM

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
STATE BANK OF FOREIGN TRADE OF VIETNAM

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company

SSI

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI
SSI ASSET MANAGEMENT COMPANY LIMITED

Võ Tri Thanh

Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC